

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 60/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28-4-2023

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Tân

2. Ông Đặng Hữu Tấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trương Phi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa:
Ông Kiều Văn Liêu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 527/2022/TLST-HN ngày 28 tháng 12 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 121/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Bá T, sinh năm 1988. Có mặt

Cư trú: Số A, khóm H, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1988. Vắng mặt

Cư trú: Số X, tổ C, khóm T1, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 21/12/2022 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn Nguyễn Bá T trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Bá T và bà Nguyễn Thị N sống chung như vợ chồng từ năm 2020, không đăng ký kết hôn. Từ khi sống chung, kinh tế gia đình do ông T lo, bà N thường xuyên kiểm chuyện gây rối trong gia đình, ông T đã nhiều lần nhẫn nhịn, chịu đựng, khuyên can, kể cả nhờ công an xử lý mà bà N vẫn không thay đổi. Ngoài ra, bà N còn đến tận cửa hàng của ông T làm việc quấy phá, chửi rủa

dẫn đến việc ông T bị chủ cửa hàng cho thôi việc. Nay ông T không còn tình cảm với bà N nên yêu cầu Tòa án không công nhận ông T và bà N là vợ chồng.

+ Về con chung: Ông T và bà N có 01 (một) con chung tên Nguyễn Kim N1, sinh ngày 25/12/2021 (chưa làm giấy khai sinh). Hiện nay con chung đang sống chung với bà N. Khi Tòa án không công nhận ông T và bà N là vợ chồng thì ông T đồng ý cho bà N nuôi con và đồng ý cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không tham dự phiên tòa do Tòa án triệu tập.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là đảm bảo theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận ông và bà N là vợ chồng. Bà N hiện cư trú tại số X, tổ C, khóm T1, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân thành phố L thụ lý giải quyết là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không tham gia phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt bà N.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

[3.1.1] Ông T và bà N chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2020 nhưng đến nay vẫn không tiến hành làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

[3.1.2] Xét thấy, hôn nhân của ông T và bà N đã vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về đăng ký kết hôn. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử không xem xét mâu thuẫn

trong hôn nhân giữa các bên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, không công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà N là vợ chồng.

[3.2] Về con chung: Ông T và bà N có 01 (một) con chung tên Nguyễn Kim N1, sinh ngày 25/12/2021 (chưa làm giấy khai sinh). Hiện nay con chung đang sống chung với bà N. Ông T đồng ý cho bà N nuôi con và đồng ý cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động.

[3.2.1] Xét thấy, cháu N1 chưa thành niên, hiện nay đang sống chung với bà N và ông T đồng ý để cho bà N nuôi con chung. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho cháu N1, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu N1 cho bà N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2.2] Bà N cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp ông T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bà N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông T.

[3.2.3] Ông T và bà N có quyền thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con theo quy định tại Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.3] Về cấp dưỡng:

[3.3.1] Ông T không trực tiếp nuôi con chung nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình. Do ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28 tháng 4 năm 2023).

[3.3.2] Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3.4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết và bà N cũng không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung trong quá trình hai người sống chung với nhau nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các bên có phát sinh tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[3.5] Về án phí sơ thẩm: Ông T có nghĩa vụ nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Bá T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Bá T và bà Nguyễn Thị N là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị N được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Kim N1, sinh ngày 25/12/2021.

Bà N cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp ông T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bà N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông T.

Ông T và bà N có quyền thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con theo quy định tại Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về cấp dưỡng: Ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/tháng cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28 tháng 4 năm 2023).

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm:

Ông Nguyễn Bá T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng, được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001172 ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh An Giang. Ông T còn phải nộp thêm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

6. Về quyền kháng cáo:

Ông Nguyễn Bá T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Nguyễn Thị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. L;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS TP. L;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Lan